

Hướng dẫn sử dụng thuốc

# LIVERCOM

- **Dạng thuốc:** Viên nang mềm.

- **Thành phần:** Mỗi viên nang mềm chứa:

Cao Cardus marianus	200mg
(Tương đương với 140mg Silymarin, 60mg Silybin)	
Vitamin B <sub>1</sub> (Thiamin nitrat)	8mg
Vitamin B <sub>2</sub> (Riboflavin)	8mg
Vitamin B <sub>6</sub> (Pyridoxin. HCl)	8mg
Vitamin PP (Nicotinamid)	24mg
Vitamin B <sub>5</sub> (Calci pantothenat)	16mg
Tá dược vđ	1 viên

(Tá dược gồm: Dầu đậu nành, dầu cọ, sáp ong trắng, lecithin, aerosil, gelatin, glycerin, dung dịch sorbitol 70%, nipagin, nipasol, ethyl vanilin, phẩm màu Chocolate, titan dioxyd, phẩm Ponceau 4R, nước tinh khiết, ethanol 90%).

- **Chỉ định:** LIVERCOM dùng để bổ sung các vitamin nhóm B và hỗ trợ thêm khi điều trị một số bệnh liên quan dưới đây:

\* Rối loạn tiêu hóa, kém ăn, suy nhược cơ thể.

\* Rối loạn chức năng gan: Viêm gan cấp và mãn tính, xơ gan ở giai đoạn bù trừ chức năng gan, suy gan, gan nhiễm mỡ.

\* Trong các trường hợp dùng các thuốc có độc tính đối với gan (Sử dụng hóa chất, thuốc kháng sinh, hạ nhiệt giảm đau, thuốc chống lao...).

\* Tăng cường chức năng giải độc của gan hỗ trợ điều trị các trường hợp trúng cá, mụn nhọt, dị ứng mãn tính.

\* Bệnh nhân mới ốm dậy trong thời kỳ dưỡng bệnh, người bị bệnh mãn tính, bệnh nhân sau phẫu thuật.

- **Cách dùng và liều dùng:**

\* **Người lớn:** Uống mỗi lần 1 viên x 3 lần/ngày.

\* **Trẻ em:** Uống liều bắt đầu 12mg/kg/24giờ chia 3 lần, sau dùng liều duy trì 8mg/kg/24giờ.

- **Chống chỉ định:** Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc, bệnh nhân bị tắc ống dẫn mật.

\* **Vitamin PP:** Bệnh gan nặng, loét dạ dày tiến triển, xuất huyết động mạch, hạ huyết áp nặng.

- **Thận trọng:** Trẻ em dưới 4 tuổi.

\* **Vitamin B<sub>6</sub>:** Sau thời gian dài dùng vitamin B<sub>6</sub> với liều 200mg/ngày, có thể thấy các biểu hiện độc tính thần kinh (như bệnh thần kinh ngoại vi nặng và bệnh thần kinh cảm giác nặng). Dùng liều 200mg vitamin B<sub>6</sub>/ngày kéo dài trên 30 ngày có thể gây hội chứng lệ thuộc pyridoxin.

\* **Vitamin PP:** Thận trọng khi dùng vitamin PP liều cao cho những trường hợp sau: Tiền sử loét dạ dày, bệnh túi mật, tiền sử có vàng da hoặc bệnh gan, bệnh gút, viêm khớp do gút và bệnh đái tháo đường.

\* **Vitamin B<sub>1</sub>:** Những người dị ứng với penicillin dễ có dị ứng với vitamin B<sub>1</sub> và ngược lại.

\* **Vitamin B<sub>3</sub>:** Có thể kéo dài thời gian chảy máu nên phải sử dụng rất thận trọng ở người có bệnh ưa chảy máu hoặc có nguy cơ chảy máu khác.

- **Sử dụng cho phụ nữ có thai hoặc cho con bú:** Thuốc dùng được cho phụ nữ có thai hoặc đang cho con bú.

- **Tác dụng không mong muốn của thuốc:**

\* Vitamin B<sub>3</sub>: Rất hiếm khi xảy ra và thường theo kiểu dị ứng. Các phản ứng quá mẫn xảy ra chủ yếu khi tiêm.

\* Vitamin B<sub>5</sub>: Có gây phản ứng dị ứng nhưng hiếm gặp.

\* Vitamin B<sub>2</sub>: Trong thời gian dùng thuốc nước tiểu có thể có màu vàng vì có chứa Vitamin B<sub>2</sub>, gây sai lệch đối với một số xét nghiệm nước tiểu trong phòng thí nghiệm; khi ngừng thuốc sẽ hết.

\* Vitamin B<sub>6</sub>: Dùng liều 200mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây bệnh thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ dạng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể hồi phục khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn để lại di chứng. Hiếm gặp: nôn, buồn nôn.

\* Vitamin PP: Liều nhỏ vitamin PP thường không độc, tuy nhiên nếu dùng liều cao (trong trường hợp điều trị bệnh pellagra), có thể xảy ra một số tác dụng phụ sau, những tác dụng phụ này sẽ hết khi ngừng thuốc.

+ Thường gặp: Tiêu hóa (Buồn nôn); Khác (Đỏ bừng mặt và cổ, ngứa, cảm giác rất bỏng, buốt hoặc đau nhói ở da).

+ Ít gặp: Tiêu hóa (Loét dạ dày tiến triển, nôn, chán ăn, đau khi đói, đầy hơi, ỉa chảy); Da (Khô da, tăng sắc tố, vàng da); Chuyển hóa (Suy gan, giảm dung nạp glucose, tăng tiết tuyến bã nhờn, làm bệnh gút nặng thêm); Khác (Tăng glucose huyết, tăng acid uric huyết, cơn phế vị - huyết quản, đau đầu và nhìn mờ, hạ huyết áp, chóng mặt, tim đập nhanh, ngất.)

+ Hiếm gặp: Lo lắng, hốt hoảng, glucose niệu, chức năng bất bình thường (bao gồm tăng bilirubin huyết thanh, tăng [AST (SGOP), ALT (SGPT) và LDH], thời gian prothrombin bất bình thường, hạ albumin huyết, choáng phản vệ.)

\* **Ghi chú: "Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc".**

- **Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác:**

\* Vitamin B<sub>2</sub>: Không uống thuốc với rượu và các chế phẩm có chứa ethanol, probenecid vì có thể gây cản trở hấp thu vitamin B<sub>2</sub> ở ruột và dạ dày.

\* Vitamin B<sub>6</sub>: ức chế làm giảm tác dụng của Levodopa trong điều trị bệnh Parkinson.

\* Vitamin PP: Không dùng đồng thời với các thuốc chẹn alpha-adrenergic trị tăng huyết áp có thể dẫn đến hạ huyết áp quá mức. Khẩu phần ăn hoặc liều lượng thuốc uống hạ đường huyết hoặc insulin có thể cần phải điều chỉnh khi sử dụng đồng thời với vitamin PP. Sử dụng thuốc đồng thời với các thuốc có độc tính với gan có thể làm tăng thêm tác hại độc cho gan.

- **Quá liều và cách xử trí:** Chưa thấy báo cáo.

- **Hạn dùng:** 36 tháng tính từ ngày sản xuất. **Không dùng thuốc đã quá hạn sử dụng.**

\* **Lưu ý:** Khi thấy nang thuốc bị ẩm mốc, loang màu, chảy dầu, dính vỏ nang, nhãn thuốc in số lò SX, HD mờ...hay có các biểu hiện nghi ngờ khác phải đem thuốc tới hỏi lại nơi bán hoặc nơi sản xuất theo địa chỉ trong đơn.

- **Qui cách đóng gói:** Hộp 12 vỉ x 5 viên.

- **Bảo quản:** Nơi khô, nhiệt độ dưới 25°C.

- **Tiêu chuẩn áp dụng:** TCCS.

**ĐỀ XA TẮM TAY TRẺ EM**

**"Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.**

**Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ"**

THUỐC SẢN XUẤT TẠI:

**CÔNG TY C.P DƯỢC PHẨM HÀ TÂY**

La Khê - Hà Đông - TP. Hà Nội

ĐT: 04.33522203 Fax: 04.33522203